

Bản án số: 75/2017/HSST
Ngày 21/9/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Trọng Thứ

2. Ông Phạm Văn Diễn

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 74/2017/HSST ngày 07 tháng 9 năm 2017, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2017/HSST-QĐ ngày 08/9/2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Viêt C, sinh ngày 07/3/1994; sinh, trú quán: Thôn B, xã G, huyện Q, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông: Nguyễn Xuân N, đã chết và bà: Nguyễn Thị N1, sinh năm 1969; vợ, con: Chưa có; tiền án: Bản án số 69/2015/HSST ngày 28/07/2015 Tòa án nhân dân huyện Q xử phạt 05 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 21/09/2015 chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xóa án tích); tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 23/6/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh T.

2. Nguyễn Viêt L, sinh ngày 13/7/1991; sinh, trú quán: Thôn B, xã G, huyện Q, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông: Nguyễn Xuân N, đã chết và bà: Nguyễn Thị N1, sinh năm 1969; vợ: Nguyễn Thị T1, sinh năm 1990; bị cáo chưa có con; tiền án: Bản án số 69/2015/HSST ngày 28/07/2015

Tòa án nhân dân huyện Q xử phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 21/08/2015 chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xóa án tích); tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 23/6/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh T.

3. Vũ Đức L1, sinh ngày 01/7/1998; sinh, trú quán: Thôn B, xã O, huyện Q, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông: Vũ Đức T, sinh năm 1971 và bà: Bùi Thị T2, sinh năm 1972; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 23/6/2017, đến ngày 17/7/2017 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

(Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Anh Vũ Kim H, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn U, xã K, huyện Q, tỉnh T (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Quang T3, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn K, xã U, huyện Q, tỉnh T (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Viết C, Nguyễn Viết L là hai anh em ruột có mối quan hệ quen biết với Vũ Đức L1, cả ba đều nghiện ma túy. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 16/06/2017, Nguyễn Viết C và Nguyễn Viết L đi chơi về, C gọi điện cho Vũ Đức L1 đến để chở hai anh em về nhà. Vũ Đức L1 lấy xe mô tô nhãn hiệu SYM Start, màu sơn xám đỏ, biển kiểm soát 17B5- ABCDM của bố để đến chỗ hẹn. Do không có tiền để mua ma túy sử dụng, C đã rủ Nguyễn Viết L và Vũ Đức L1 đi xem nhà nào sơ hở thì trộm cắp tài sản, Nguyễn Viết L và Vũ Đức L1 đồng ý. Nguyễn Viết L điều khiển xe mô tô chở Vũ Đức L1 và Nguyễn Viết C đi lòng vòng qua các xã G – H– K. Khi đi qua nhà anh Vũ Kim H ở thôn U, xã K, C nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha màu đỏ đen, biển kiểm soát 17L2-ABNB dựng trong sân cạnh bờ tường, C bảo Nguyễn Viết L dừng xe để xuống, còn Viết L và Đức L1 đứng canh gác ở ngoài cách cổng nhà anh H khoảng 30 mét hướng đi về xã S. C đi bộ vào trong sân nhà anh H thấy chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện, C dắt xe ra ngoài cổng, rồi điều khiển xe đi ra, Viết L điều khiển xe chở Đức L1 đi theo. C dẫn Đức L1 và Viết L đến quán của anh Lê Quang T3 ở thôn K, xã U, huyện Q cầm cố chiếc xe. Do C và anh T3 có biết nhau, nên anh T3 đồng ý nhận xe và đưa cho C 1.000.000 đồng, nói khi nào có giấy tờ xe sẽ đưa thêm 500.000

đồng. Cả ba đi mua 200.000 đồng ma túy sử dụng chung còn 800.000 đồng cùng nhau ăn tối. Khoảng 20 giờ cùng ngày, C gọi điện thoại báo Đức L1 cầm chứng minh nhân dân đến nhà anh T3 để lấy thêm 500.000 đồng, rồi cả ba cùng nhau đi ăn đêm hết.

Chiếc xe các bị cáo trộm cắp đã được thu hồi trả cho người bị hại.

Ngày 21/6/2017, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Q định giá chiếc xe mô tô Wave Alpha, màu đỏ đen, biển kiểm soát 17 L2-ABNB các bị cáo trộm cắp có giá trị 5.500.000đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*).

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai, do các bị cáo nghiện ma túy, muốn có tiền mua ma túy để sử dụng và ăn tiêu cho bản thân nên đã cùng nhau thực hiện hành vi lấy xe máy của anh H. Khi Nguyễn Viết C rủ đi trộm cắp thì Nguyễn Viết L và Vũ Đức L1 đều nhất trí, C là người trực tiếp vào lấy xe và giao dịch cầm cố xe để lấy tiền chi tiêu chung. Các bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại là anh Vũ Kim H khai: Chiều ngày 16/6/2017, anh bị mất 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha màu đỏ đen, BKS 17L2-ABNB, xe dựng trong sân nhà anh. Nay anh đã được cơ quan Điều tra trả lại xe nguyên vẹn, anh không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Quang T3 khai: Chiều ngày 16/6/2017, Nguyễn Viết C cùng Nguyễn Viết L và Vũ Đức L1 đến nhà anh cầm cố xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha màu đỏ đen, BKS 17L2-ABNB. Xe không có giấy tờ, nhưng do anh biết Nguyễn Viết C nên đã nhận cầm cố xe với số tiền 1.000.000 đồng và yêu cầu C mang giấy tờ đến. Tối cùng ngày, C mang chứng minh nhân dân của Vũ Đức L1 đến, anh đưa thêm 500.000 đồng. Đến nay anh đã được Vũ Đức L1 tự nguyện trả cho anh 500.000 đồng, số tiền còn lại anh không yêu cầu các bị cáo trả cho anh, vì anh thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, anh không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết về trách nhiệm hoàn trả của các bị cáo đối với số tiền trên.

Bản cáo trạng số 76/KSĐT ngày 06/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh T truy tố các bị cáo Nguyễn Viết C, Nguyễn Viết L và Vũ Đức L1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền C tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 45, Điều 53 đối với tất cả các bị cáo; áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật hình

sự đối với các bị cáo Nguyễn Viết C và Nguyễn Viết L; áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 46, khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vũ Đức L1, xử phạt bị cáo Nguyễn Viết C từ 12 đến 15 tháng tù; bị cáo Nguyễn Viết L từ 09 đến 12 tháng tù; bị cáo Vũ Đức L1 từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 18 tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết. Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobi Star màu trắng vàng đã cũ của Nguyễn Viết L để hóa giá sung quỹ Nhà nước; trả lại bị cáo Vũ Đức L1 một giấy chứng minh nhân dân mang tên Vũ Đức L1. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức đã vi phạm pháp luật, rất hối hận về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã đủ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản quản lý vật chứng, biên bản định giá tài sản cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 30 ngày 16/06/2017, tại thôn U, xã K, huyện Q, Nguyễn Viết C, Nguyễn Viết L và Vũ Đức L1 lợi dụng sự sơ hở của anh Vũ Kim H trong việc quản lý tài sản đã cùng nhau lấy chiếc xe máy nhãn

hiệu Honda Wave Alpha, sơn màu đỏ đen, biển kiểm soát 17L2-ABNB trị giá 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) của anh H. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố và kết luận các bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của C dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an xã hội vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, sau khi bị cáo Nguyễn Viết C rủ các bị cáo Nguyễn Viết L và Vũ Đức L1 đi xem nhà nào sơ hở thì trộm cắp tài sản, cả hai nhất trí và ba bị cáo cùng nhau đi trộm cắp tài sản, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân C nhiệm vụ trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, do đó đánh giá đây là vụ án đồng phạm giản đơn.

Đánh giá vai trò, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo thấy: Bị cáo Nguyễn Văn C là người xướng, rủ các bị cáo đi trộm cắp tài sản, C cũng là người phát hiện ra xe của anh H và bảo hai bị cáo dừng xe lại để C vào trực tiếp thực hiện hành vi lấy xe của anh H; đối với Nguyễn Viết L và Vũ Đức L1, sau khi được C rủ đều nhất trí và cùng C đi trộm cắp, hai bị cáo đều đứng ngoài cổng canh gác cho C vào trong sân nhà anh H lấy xe; Nguyễn Viết L là người điều khiển xe mô tô chở các bị cáo đi tìm tài sản để trộm cắp. Do đó, đánh giá Nguyễn Viết C giữ vai trò chính trong vụ án, tiếp đó là Nguyễn Viết L rồi đến Vũ Đức L1.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Viết L và Nguyễn Viết C đều đã bị kết án về tội “trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, do đó bị áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; bị cáo Vũ Đức L1 không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành thật khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, do đó đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo” quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo Vũ Đức L1 có nhân thân tốt, phạm tội có khung hình phạt đến ba năm tù, được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”. Tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, do đó các bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xét thấy các bị cáo Nguyễn Viết C và Nguyễn Viết L đã có tiền án, đã được pháp luật cải tạo, giáo dục nhưng không chịu sửa đổi, tiếp tục phạm tội và qua đánh giá vai trò và mức độ phạm tội đã phân tích trên thì Nguyễn Viết C phải chịu mức án cao nhất trong vụ án, sau đó đến Nguyễn Viết L và việc cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội trong thời gian chấp hành hình phạt mới có tác dụng giáo dục bị cáo riêng và phòng ngừa tội phạm chung. Đối với Vũ Đức L1 tham gia phạm tội với vai trò thứ yếu trong vụ án, bị cáo có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, vì vậy mức án của Vũ Đức L1 thấp nhất trong vụ án và cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng*” do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, sống phụ thuộc gia đình, điều kiện kinh tế khó khăn, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[3] Trong vụ án này, Vũ Đức L1 sử dụng xe mô tô nhãn hiệu SYM Start, màu sơn xám đỏ, biển kiểm soát 17B5-ABCDM của bố để bị cáo đi trộm cắp tài sản. Kết quả điều tra xác định, ông T không biết việc bị cáo đã dùng xe của mình làm phương tiện đi thực hiện hành vi phạm tội, cơ quan Cảnh sát Điều tra công an huyện Q đã trả lại chiếc xe cho ông T là có căn cứ.

Đối với anh Lê Quang T3 là người cầm cố xe mô tô các bị cáo trộm cắp, nhưng anh T3 không biết đó là xe các bị cáo phạm tội mà có nên hành vi của anh T3 không cấu thành tội phạm. Tuy nhiên khi cầm cố tài sản anh T3 không thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về cầm cố tài sản vì vậy Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Q đã xử phạt hành chính về hành vi trên đối với anh T3 là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về hành vi mua ma túy để sử dụng chung, do các bị cáo đều không biết lai lịch người bán ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở để điều tra xử lý đối tượng bán ma túy đồng thời đã ra Quyết định xử lý hành chính với ba bị cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Điều tra quản lý của Nguyễn Viết L 01 điện thoại di động đã cũ, chiếc điện thoại này Nguyễn Viết L cùng với Nguyễn Viết C dùng liên hệ với Vũ Đức L1 để rủ đi trộm cắp tài sản và cầm cố tài sản trộm cắp, cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước; đối với giấy chứng minh nhân dân của Vũ Đức L1 đã đặt tại nhà anh Lê Quang T3 để cầm cố tài sản trộm cắp, đây là giấy tờ

tù thân của bị cáo, cần trả lại bị cáo Luận là phù hợp với quy định tại Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe mô tô các bị cáo trộm cắp của anh Vũ Kim H được thu hồi trả lại anh H, anh H đã nhận lại xe nguyên vẹn, không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết về trách nhiệm dân sự; Đối khoản tiền các bị cáo cầm cố xe cho anh Lê Quang T3 và nhận từ anh T3 1.50.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), do việc cầm cố xe là ngay tình, theo quy định của pháp luật thì các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho T3 khoản tiền trên. Bị cáo Vũ Đức L1 đã trả cho anh T3 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*), tại phiên tòa anh T3 không yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả anh số tiền còn lại và không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết về trách nhiệm hoàn trả của các bị cáo, xét thấy yêu cầu của anh T3 là tự nguyện và không trái quy định của pháp luật, do đó phân trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

[6] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Viết C, Nguyễn Viết L và Vũ Đức L1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

- Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 45, Điều 53 và Điều 33 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Viết C và Nguyễn Viết L:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Viết C 01 (*Một*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/6/2017.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Viết L 09 (*Chín*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/6/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h; p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 45, Điều 53 và khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Đức L1 06 (*Sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (*Một*) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Đức L1 cho Ủy ban nhân dân xã O, huyện Q, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu hóa giá để sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobi Star màu trắng vàng đã cũ của Nguyễn Viết L;

+ Trả lại Vũ Đức L1 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Vũ Đức L1.

Vật chứng trên có đặc điểm chi tiết như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q ngày 07/9/2017.

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Viết C, Nguyễn Viết L và Vũ Đức L1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận

- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QL, NVLQ;
- VKSND huyện Q;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Liên